TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 07/01/2021
V***/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”***.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Bích.
-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXX-ST ngày 30/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐ-ST ngày 21/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn Th,sinh năm:1966 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B.
*** Bị đơn**: Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 1967
Nơi ĐKHKTT: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).
Địa chỉ cuối cùng của chị Phạm Thị Y tại Việt Nam là thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/10/2020, nguyên

đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Năm 1987 anh và chị Phạm Thị Y có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình anh và có 02 con chung. Nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2007 chị Phạm Thị Yđi lao động tại Đảo Síp, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, nhưng sau đó do xa cách nhau về địa lý vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm hỏi han gì nhau và chị Y từ khi đi Đảo Síp đến nay không về nước một lần nào. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 01/3/1988 và cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 07/01/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Th còn trình bày: Hiện nay chị Yvẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Yở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị Ynhưng chị Y không cung địa chỉ ở nước ngoài cho anh, chị Yvẫn liên lạc về gia đình nhưng anh trai của chị Y là ông Phạm Văn Qu, sinh năm 1952, trú tại: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Y được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Phạm Thị Y.

Ngày 04/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Lục N có Quyết định chuyển vụ án số 04/2020/QĐST-DS đến Tòa án nhân dân tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền vì lý do bị đơn là chị Phạm Thị Yhiện đang cư trú và làm việc tại nước ngoài.

Bị đơn chị Phạm Thị Y không có bản tự khai.

Ngày 21/10/2020 và ngày 30/10/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với anh trai của chị Phạm Thị Y là ông Phạm Văn Qu, sinh năm 1952; trú tại: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Qu thông báo cho chị Ybiết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị Y; yêu cầu chị Yviết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Qu cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Yở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Qu vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Yở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình

nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Yở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Yên, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Ybiết để chị Ygửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Ygửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị Yvắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Th; Biên bản làm việc với anh trai của chị Ylà ông Phạm Văn Qu và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Phạm Thị Ykhông có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Phạm Thị Y; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Ylà đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th. Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị Y.

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Anh Nguyễn Văn Th là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị Y vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với anh trai của chị Ylà ông Phạm Văn Qu để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Qu thông báo cho chị Ybiết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B

đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Th với chị Phạm Thị Y, yêu cầu ông Qu cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Yở nước ngoài. Ông Phạm Văn Qu trình bày: Chị Y vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Qu vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Ycho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Ybiết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Ytheo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Th là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị Y, chị Y hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 11567/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 17/7/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Yxuất cảnh ngày 08/5/2007 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Yở Việt Nam là: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị Y kết hôn năm 1987 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cương S, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Th trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2007 chị Phạm Thị Yđi lao động tại Đảo Síp, thời gian đầu khi chị Yđi lao động tại Đảo Síp thì vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó do xa cách nhau lâu ngày vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau và chị Ytừ khi đi Đảo Síp đến nay không về nước một lần nào. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Th. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Th và chị Ychung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2007 thì chị Yđi nước ngoài lao động. Do vợ chồng sống xa nhau nhau lâu ngày không tìm được tiếng nói chung, nên dẫn đến vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm tới ai nữa và kể từ khi chị Yđi xuất khẩu lao động cũng chưa về nước lần nào. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th và chị Yđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th. Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị Y.

[**4]. Về con chung**: Anh Th và chị Ycó 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 01/3/1988 và cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 07/01/1991. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] .Về tài sản, công nợ: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

2.Về án phí: Anh Nguyễn VănThanh phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0004800 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N, tỉnh B. Xác nhận anh Nguyễn Văn Th đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phạm Thị Yhiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến Nguyễn Thị Bích **Trần Thị Hà**

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh B;
-Cục THADS tỉnh B;
-UBND xã Cương S, Lục Nam
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Trần Thị Hà